

CHÍNH PHỦ
Số: 37/2007/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2007

NGHỊ ĐỊNH

Về minh bạch tài sản, thu nhập

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Tổng Thanh tra,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định về minh bạch tài sản, thu nhập tại Mục 4 Chương II Luật Phòng, chống tham nhũng, bao gồm việc kê khai tài sản, thu nhập; xác minh tài sản, thu nhập; xử lý vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong tổ chức thực hiện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng của Nghị định này là người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập được quy định tại khoản 1 Điều 44 Luật Phòng, chống tham nhũng và Điều 6 Nghị

định này; cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc kê khai, xác minh tài sản, thu nhập.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Kê khai tài sản, thu nhập" là việc người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập ghi rõ các loại tài sản, thu nhập phải kê khai theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định này;
2. "Tài sản, thu nhập phải kê khai" là nhà, quyền sử dụng đất; kim khí quý, đá quý, tiền, giấy tờ có giá và các loại tài sản khác mà giá trị của mỗi loại từ năm mươi triệu đồng trở lên; tài sản, tài khoản ở nước ngoài; thu nhập phải chịu thuế theo quy định của pháp luật;
3. "Biến động về tài sản phải kê khai" là sự tăng, giảm tài sản, thu nhập phải kê khai so với lần kê khai gần nhất;
4. "Xác minh tài sản, thu nhập" là việc cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền tiến hành xem xét, đánh giá, kết luận về tính trung thực của việc kê khai tài sản, thu nhập theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này.

Điều 4. Những hành vi bị nghiêm cấm

1. Tẩu tán tài sản dưới mọi hình thức nhằm trốn tránh việc kê khai tài sản, thu nhập; cản trở việc xác minh tài sản, thu nhập.
2. Khai thác, sử dụng trái pháp luật bản kê khai tài sản, thu nhập; lợi dụng việc quản lý, khai thác bản kê khai tài sản, thu nhập để gây mất đoàn kết nội bộ hoặc để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác.
3. Lợi dụng việc xác minh tài sản, thu nhập để gây khó khăn, cản trở hoạt động bình thường của người được xác minh; xuyên tạc, xúc phạm danh dự, uy tín của người được xác minh; gây mất đoàn kết nội bộ hoặc để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật khác.

Chương II

KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP

Điều 5. Mục đích kê khai tài sản, thu nhập

Việc kê khai tài sản, thu nhập là để cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền biết được tài sản, thu nhập của người có nghĩa vụ kê khai nhằm minh bạch tài sản, thu nhập của người đó; phục vụ công tác quản lý cán bộ, công chức, góp phần phòng ngừa và ngăn chặn hành vi tham nhũng.

Điều 6. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

1. Đại biểu Quốc hội chuyên trách, đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, người ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân.
2. Cán bộ, công chức từ phó trưởng phòng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên và người được hưởng phụ cấp chức vụ tương đương phó trưởng phòng của Ủy ban nhân dân cấp huyện trở lên trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
3. Sĩ quan giữ cương vị chỉ huy từ cấp phó tiểu đoàn trưởng, phó chỉ huy trưởng ban chỉ huy quân sự cấp huyện trở lên trong Quân đội nhân dân; sĩ quan giữ cương vị chỉ huy từ cấp phó tiểu đoàn trưởng, phó trưởng công an phường, thị trấn, phó đội trưởng trở lên trong Công an nhân dân.
4. Giám đốc, phó giám đốc, viện trưởng, phó viện trưởng, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, bác sĩ chính tại các bệnh viện, viện nghiên cứu của Nhà nước.
5. Tổng biên tập, phó tổng biên tập, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban báo, tạp chí có sử dụng ngân sách, tài sản của Nhà nước.
6. Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng trường mầm non, tiểu học của Nhà nước tại quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, trường trung cấp chuyên nghiệp, dạy nghề, trung tâm giáo dục thường xuyên của Nhà nước; hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng khoa, phó trưởng khoa, giảng viên chính trường đại học, cao đẳng của Nhà nước.
7. Giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban tại ban quản lý dự án đầu tư xây dựng có sử dụng ngân

sách, tài sản của Nhà nước; giám đốc, phó giám đốc, kế toán trưởng ban quản lý dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA).

8. Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc, giám đốc, phó giám đốc, chủ tịch hội đồng quản trị, phó chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, trưởng ban kiểm soát, phó trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng, trưởng phòng, phó trưởng phòng, trưởng ban, phó trưởng ban các phòng, ban nghiệp vụ trong công ty nhà nước; người được Nhà nước cử giữ chức vụ kể trên trong doanh nghiệp có vốn đầu tư của Nhà nước.

9. Bí thư, phó bí thư Đảng ủy; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân; chủ tịch, phó chủ tịch, ủy viên Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; trưởng công an, chỉ huy trưởng quân sự xã; cán bộ địa chính - xây dựng, tài chính - kế toán của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

10. Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký toà án, kiểm toán viên nhà nước, thanh tra viên, chấp hành viên, công chứng viên nhà nước.

11. Bộ trưởng Bộ Nội vụ, sau khi thống nhất với Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các ban của Trung ương Đảng, người đứng đầu cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh sách đối với người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập là: người làm công tác quản lý ngân sách, tài sản của Nhà nước hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong cơ quan hành chính nhà nước các cấp, cơ quan của Đảng, tổ chức chính trị - xã hội, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Hội đồng nhân dân, Văn phòng Chủ tịch nước.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập

1. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có các quyền sau:

a) Được bảo đảm bí mật nội dung của bản kê khai tài sản, thu nhập theo quy định của pháp luật;

b) Khiếu nại, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập tại Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định này;

c) Được khôi phục danh dự, uy tín, được bồi thường thiệt hại do hành vi vi phạm các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập gây ra.

2. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập có các nghĩa vụ sau:

a) Kê khai trung thực, đầy đủ, đúng thời hạn về số lượng tài sản, thu nhập phải kê khai và những thay đổi so với lần kê khai gần nhất trước đó;

b) Giải trình trung thực, đầy đủ, kịp thời về các nội dung liên quan đến việc kê khai tài sản, thu nhập khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền;

c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền phục vụ cho việc xác minh tài sản, thu nhập.

3. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập là thành viên của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thì ngoài việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn phải thực hiện các nghĩa vụ về kê khai tài sản, thu nhập do tổ chức đó quy định.

Điều 8. Tài sản, thu nhập phải kê khai

1. Các loại nhà, công trình xây dựng sau:

a) Nhà, công trình xây dựng khác đang thuê hoặc đang sử dụng thuộc sở hữu của Nhà nước;

b) Nhà, công trình xây dựng khác thuộc sở hữu của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu;

c) Nhà, công trình xây dựng khác thuộc sở hữu của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc giấy chứng nhận quyền sở hữu đứng tên người khác.

2. Các quyền sử dụng đất sau:

a) Quyền sử dụng đất của bản thân, vợ hoặc chồng và con chưa thành niên đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng;